

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã
năm 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ AN SƠN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 29/12/2020 của Hội đồng nhân dân xã An Sơn khóa XXI về việc đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển KT-XH, thu chi ngân sách xã năm 2021.

Xét đề nghị của công chức Tài chính – Kế toán xã.;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã năm 2020 của xã An Sơn (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thời gian công khai là 30 ngày kể từ ngày ký quyết định .

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã, công chức Tài chính- Kế toán xã có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- Phòng Tài chính- Kế hoạch huyện;
- Đảng ủy xã;
- HĐND xã;
- Các đoàn thể ở xã;
- Các trưởng thôn trong xã;
- Lưu: VT.

**TM. UBND XÃ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐỨC NGỌC

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

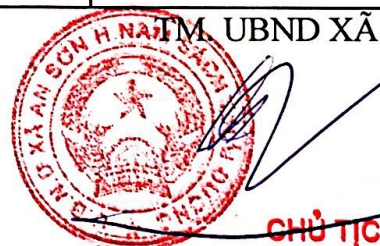
(Kèm theo Quyết định số: 163 QĐ-UBND ngày 23 tháng 06 năm 2021 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Thực hiện	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
I	Tổng số thu	21.290.968,2	21.247.049,2	99,8
1	Các khoản thu xã hưởng 100%	331.186,3	331.186,8	100,0
2	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	5.888.627,9	5.888.527,4	100,0
3	Thu bổ sung	12.027.208,0	11.983.389,0	99,6
	- Bổ sung cân đối	3.860.300,0	3.816.481,0	98,9
	- Bổ sung có mục tiêu	8.166.908,0	8.166.908,0	100,0
4	Thu chuyển nguồn	3.024.616,0	3.024.616,0	100,0
5	Thu kết dư ngân sách	19.330,0	19.330,0	100,0
II	Tổng số chi	21.290.868,2	19.308.092,6	90,7
1	Chi đầu tư phát triển	16.134.747,0	14.538.868,0	90,1
2	Chi thường xuyên	5.156.121,2	4.769.224,6	92,5
3	Chi chuyển nguồn + Dự phòng	344.896,6	1.936.956,6	561,6

NGƯỜI LẬP

Đặng Đình Lưu



CHỦ TỊCH
NGUYỄN ĐỨC NGỌC

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020**

(Kèm theo Quyết định số: 163/QĐ-UBND ngày 23 tháng 06 năm 2021 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN		SO SÁNH (%)	
		THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
	TỔNG THU	33.317.338,5	21.290.968,2	33.219.349,5	21.247.049,2	99,7	99,8
I	Các khoản thu 100%	331.186,3	331.186,3	340.930,5	331.186,8	102,9	100,0
	Phí, lệ phí	16.617,0	16.617,0	16.617,0	16.617,0	100,0	100,0
	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	261.008,0	261.008,0	261.008,5	261.008,5	100,0	100,0
	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định						
	Đóng góp chùa nhân dân theo quy định						
	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
	Thu khác	53.561,3	53.561,3	63.305,0	53.561,3	118,2	100,0
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	17.914.998,2	5.888.627,9	17.851.084,0	5.888.527,4	99,6	100,0
1	Các khoản thu phân chia	95.000,0	95.000,0	59.693,0	59.693,0	62,8	62,8
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.000,0	4.000,0	4.000,0	4.000,0	100,0	100,0
	Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
	Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	6.000,0	6.000,0	5.600,0	5.600,0	93,3	93,3
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	85.000,0	85.000,0	50.093,0	50.093,0	58,9	58,9
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định	17.819.998,2	5.793.627,9	17.791.391,0	5.828.834,4	99,8	100,6
	Thuế TNCN	144.482,2	41.492,9	95.873,6	76.698,9	66,4	184,8
	Thuế giá trị gia tăng	190.045,0	152.036,0	210.045,6	152.036,5	110,5	100,0
	Thu tiền sử dụng đất	17.485.471	5.600.099,0	17.485.472	5.600.099,0	100,0	100,0
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV	Thu chuyển nguồn	3.024.616,0	3.024.616,0	3.024.616,0	3.024.616,0		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước	19.330,0	19.330,0	19.330,0	19.330,0		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	12.027.208,0	12.027.208,0	11.983.389,0	11.983.389,0	99,6	99,6
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	3.860.300,0	3.860.300,0	3.816.481,0	3.816.481,0	98,9	98,9
	Thu bổ sung có mục tiêu	8.166.908,0	8.166.908,0	8.166.908,0	8.166.908,0	100,0	100,0



Biểu số 115/CK TC-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2020

(Kèm theo Quyết định số: 16 ngày 23 tháng 06 năm 2021 của UBND xã An Sơn)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			ƯỚC THỰC HIỆN			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	21.290.868,2	16.134.747,0	5.156.121,2	21.245.049,2	16.134.747,0	5.110.302,2	99,8	100,0	99,1
	Trong đó:	-			-					
	Chi ngân sách đã qua kho bạc									
1	Chi Giáo dục	3.295.083,0	3.283.013,0	12.070,0	3.268.981,0	3.256.911,0	12.070,0	99,2	99,2	100,0
2	Chi ứng dụng, chuyển giao công nghệ	17.000,0		17.000,0	17.000,0		17.000,0	100,0		100,0
3	Chi y tế	2.605.558,0	2.605.558,0		1.086.521,0	1.086.521,0		41,7	41,7	
4	Chi văn hoá, thông tin	19.650,0		19.650,0	19.650,0		19.650,0	100,0		100,0
5	Chi phát thanh, truyền hình	53.918,6		53.918,6	53.918,6		53.918,6	100,0		100,0
6	Chi thể dục thể thao	54.974,0	35.324,0	19.650,0	54.974,0	35.324,0	19.650,0	100,0	100,0	100,0
7	Chi bảo vệ môi trường	815.148,0	795.498,0	19.650,0	799.148,0	779.498,0	19.650,0	98,0	98,0	100,0
8	Chi các hoạt động kinh tế	2.741.576,0	2.689.276,0	52.300,0	2.706.836,0	2.654.536,0	52.300,0	98,7	98,7	100,0
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể	8.492.718,5	4.208.142,0	4.284.576,5	8.492.718,5	4.208.142,0	4.284.576,5	100,0	100,0	100,0
10	Chi công tác xã hội	2.846.345,5	2.517.936,0	328.409,5	2.804.345,5	2.517.936,0	286.409,5	98,5	100,0	87,2
11	Chi khác	4.000,0		4.000,0	4.000,0		4.000,0	100,0		100,0
12	Dự phòng ngân sách (chuyển nguồn)	344.896,6		344.896,6	1.936.956,6	1.595.879,0	341.077,6	561,6		98,9